TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày: 06/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Lợi
2. Bà Hoàng Thị Thuý

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký, TAND H.Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05 /2024/TLST-HS ngày 10/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, Q, tỉnh Thanh Hóa

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: Lớp 6/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn N, sinh năm 1930; Con bà: Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1943; Vợ: Lê Thị N1, sinh năm 1978. Có 02 con, lớn SN 1997, nhỏ nhỏ SN 2000; Tiền án, tiền sự: Không

Tạm giữ ngày 01/6/2023. Tạm giam ngày 09/6/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Thanh Hoá. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Trương Thị H,sinh năm 1989

Nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện tại: Thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Mường; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Nghề

nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trương Văn V, sinh năm 1963; Con bà: Cao Thị D, sinh năm 1963; Chồng: Phạm Văn T, sinh năm 1987; Có 01 con SN 2011; Tiền án, tiền sự: Không

Tạm giữ ngày 01/6/2023. Tạm giam ngày 09/6/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Thanh Hoa. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Vũ Văn N2, sinh năm 1991

(Tên gọi khác: N)

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do: Con ông: Vũ Quang T1 (Đã chết); Con bà: Đinh Thị Q, sinh năm 1963; Vợ: Hoàng Thị Q1, sinh năm 1991. Có 01 con SN 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giam từ ngày 27/10/2023 đến nay. Tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Thanh Hoá. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người làm chứng:

1. Chị Lục Thị T2, sinh năm 2000 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Làng K, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Phạm Ngọc S, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện Q, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13h30" ngày 31/5/2023, Nguyễn Văn Đ, Phạm Ngọc S, sinh năm 1987, ở thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa và Lê Đình T3, sinh năm 1993 ở thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa đi đến quán K1 ở thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa để hát Karaoke. Khi đến nơi, Đ, S, T3 vào phòng 4 quán hát và gọi 03 nhân viên phục vụ gồm:
Trương Thị H, Lục Thị T2, sinh năm 2000 ở Làng K, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và Hà Thị Đ2, sinh năm 1994 ở bản N, xã P, huyện M, tỉnh Thanh Hóa. Khi vào phòng hát được 15", T2 nói với S mua cá viên chiên, nghe thấy T2 nói với S

như vậy thì Đ gọi điện thoại cho Hoàng Thị Q1 ở thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa là vợ của Vũ Văn N2 hỏi mua 01 gói cá viên chiên mang đến quán K1. Khoảng 15" sau, Vũ Văn N2 mang một gói cá viên chiên đến phòng 4 quán K1 giao cho Đ và uống một cốc bia với Đ, sau đó đi về (Đ và N2 là bạn bè quen biết với nhau). Cả nhóm uống bia và hát được một lúc thì Đ hỏi mọi người: "Anh em chơi tí không", ý là hỏi mọi người có muốn sử dụng ma túy thuốc lắc không thì H, S, T2 đồng ý, còn T3 và Đ2 ngồi uống bia, hát Karaoke nên không biết Đ rủ mọi người sử dụng ma túy.

Lúc này, Đ đưa cho H một túi nilon bên trong chứa 1,5 viên ma túy thuốc lắc (Đ mua trước đó của một người đàn ông lạ mặt tại TP .T, tỉnh Trà Vinh) và bảo H hòa ra cho tất cả cùng chơi. H đồng ý, cầm túi thuốc lắc rồi cho vào cốc có sẵn trên bàn, đổ C vào và đặt lên bàn. Đ cầm cốc Coca này lắc đều uống một ngụm rồi đặt cốc lên bàn, H tiếp tục cầm lấy cốc Coca chứa thuốc lắc cắm ống hút vào hút một ngụm rồi lại để lên bàn; T2 cũng tự lấy cốc Coca chứa thuốc lắc hút một ngụm rồi đặt lên bàn; S cũng tự lấy cốc Coca chứa thuốc lắc uống hết. Khi mọi người sử dụng ma túy thì T3 đang ngủ còn Đ2 đang hát nên không biết.

Đến khoảng 16h cùng ngày, khi thấy mọi người đã sử dụng hết ma túy, Đ hỏi H, S, T2: "Có chơi thêm tí nữa không", ý muốn hỏi mọi người có muốn sử dụng ma túy tiếp nữa không, H, S, T2 đồng ý. Đ nói với mọi người để gọi cho thằng N2 nhờ mua ma túy, rồi Đ gọi điện thoại cho Vũ Văn N2 nhờ N2: "Mua hộ cho anh hai viên kẹo, nửa chỉ Ketamine". N2 biết Đ gọi điện nhờ mua hộ ma túy để cho Đ và mọi người cùng sử dụng ở quán K1, nhưng do là bạn bè quen biết với Đ, nể Đ và biết chỗ mua ma túy nên N2 đồng ý mua hộ ma túy cho Đ sử dụng và bảo với Đ: "Mua hết 3.200.000đ, tiền đâu". Đ bảo: "Cứ mua đi về tau trả tiền". N2 bảo: "Không có tiền không mua được", Đ bảo N2 đến nhà anh Lê Văn L, sinh năm 1985 ở thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa lấy tiền, vì L đang nợ tiền Đ. N2 đến nhà gặp L và bảo đưa cho N2 số tiền 3.200.000đ, L không đồng ý. N2 lấy điện thoại gọi cho Đ và đưa cho L nói chuyện với Đ. Sau đó, L vào nhà lấy 3.200.000đ đưa cho N2. Lấy được tiền, Nam đến ngã 5 T thuộc xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa tìm mua được của một người đàn ông lạ mặt (N2 không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, đây là lần đầu N2 gặp) mua được 02 viên thuốc lắc và nửa chỉ Ketamine hết số tiền 2.800.000đ, còn lại 400.000đ tiền thừa N2 lấy làm tiền công đi mua ma túy hộ. Sau đó N2 mang ma túy vừa mua được đến phòng 4 quán K1 đưa cho Đ. Khi vào đến phòng hát có Đ, H, T2, S đang ở trong phòng (Lê Văn T4, Hà Thi Đ đã về trước). N2 vào phòng đi lại

chỗ Đ và để chiếc khẩu trang chứa ma túy xuống gần chỗ Đ và H đang ngồi. H nhặt chiếc khẩu trang lên cầm ở tay. Sau đó N2 uống với mọi người trong phòng một cốc bia rồi đi về. Khi về đến nhà, N2 nhắn tin cho Đ nội dung "Để đồ ăn tí em ăn với nha", ý N2 nói với Đ là để ma túy tí nữa N2 đến chơi cùng. Khi N2 về, H mở chiếc khẩu trang chứa ma túy ra thấy có 02 viên thuốc lắc màu xanh và một tờ tiền mệnh giá 2.000đ bên trong chứa Ketamine. H lấy một viên thuốc lắc đưa cho S. S cầm viên thuốc bỏ vào miệng và uống chung với C. H lấy tờ tiền mệnh giá 2.000đ mở ra có Ketamine đã được xào sẵn nên lấy bật lửa có trên bàn từ trước hơ nóng tờ tiền rồi lấy móng tay xúc Ketamine đưa lên mũi sử dụng một ít, phần còn lại H để lên bàn. T2 lại dùng móng tay xúc một ít Ketamine đưa lên mũi sử dụng, rồi lại để tờ tiền chứa Ketamine lên bàn. Còn 01 viên thuốc lắc H để lại để lát mọi người sử dụng sau. Sau đó Đ, H, T2 và S ngồi trong phòng tiếp tục nghe nhạc. Đến khoảng 21h40" cùng ngày H dùng điện thoại của Đ gọi cho N2 rủ đến sử dụng ma túy (thuốc lắc, Ketamine), nhưng N2 chưa đến. Khoảng 21h50" ngày 31/5/2023, tổ công tác Công an huyện Q kiểm tra phát hiện bắt quả tang Đ cùng đồng bọn đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản, thu giữ tang vật theo quy định.

Vật chứng thu giữ gồm có: Trên mặt bàn có 01 cốc nhựa màu trắng trong suốt; 01 ống hút bằng nhựa màu trắng trong suốt; 01 vỏ lon Coca; 01 bật lửa màu vàng; 01 tờ tiền mệnh giá 2.000đ, một mặt tờ tiền có vết cháy xém và có bám dính chất bột màu trắng.

- Giữa khe ghế ở góc phòng số 4 có một chiếc khẩu trang màu trắng, bọc bên trong là 01 viên nén màu xanh lục (nghi là ma tuý dạng thuốc lắc).

Ngoài ra, tổ công tác còn thu giữ: 01 điện thoại Iphone 13 Pro Max màu đen, của Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại Iphone 11Pro Max của Phạm Ngọc S; 01 điện thoại Redmi màu xanh của Trương Thị H, trong ốp lưng điện thoại có 01 thẻ có chữ "MB Visa", số Serial V44NB61, bám dính chất bột màu trắng (nghi là Ketamine); 01 điện thoại Iphone 11 màu xanh của Lục Thị T2.

Tại bản kết luận giám định số 2110/KL-KTHS ngày 06/6/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh T giám định, kết luận:

- Tìm thấy chất ma túy, loại Ketamine, MDMA trong mẫu nước tiểu thu được của Nguyễn Văn Đ, Lục Thị T2, Trương Thị H.

- Tìm thấy chất ma túy, loại MDMA trong mẫu nước tiểu thu được của Phạm Ngọc S.

Tại bản kết luận giám định số 2121/KL-KTHS ngày 06/6/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh T định, kết luận:

- Viên nén màu xanh lục thu được là ma túy, có tổng khối lượng 0,363g, loại MDMA.

- Chất bột màu trắng bám dính trên bề mặt tờ tiền mệnh giá 2.000đ là ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng.

- Chất bột màu trắng bám dính trên bề mặt thẻ có chữ "MB Visa", số Serial V44NB61 là ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn Đ, Trương Thị H và Vũ Văn N2 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo khoản 2 Điều 255 BLHS.

Đối với số ma túy còn lại sau giám định là 01 viên ma túy, có tổng khối lượng 0,363g, loại MDMA được gói trong khẩu trong màu trắng thu được trên ghế ở phòng hát các đối tượng chưa kịp sử dụng hết thì bị bắt quả tang. Số ma túy này nếu không bị bắt thì các đối tượng sẽ tiếp tục sử dụng tại phòng hát nên hành vi này không cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Đối với Phạm Ngọc S, Lục Thị T2 là người trực tiếp sử dụng ma túy do H đưa, không có hành vi gì giúp sức trong việc đưa ma túy vào cơ thể đối tượng khác, các đối tượng không phải là người nghiện ma túy nên hành vi của S và T2 không đồng phạm với Đ và H về hành vi tổ chức sử dụng trái pháp chất ma túy. Cơ quan Công an đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đối với S và T2 là phù hợp.

Đối với Lê Văn T4, Hà Thị Đ2 cùng ở trong phòng hát Karaoke; tuy nhiên T4, Đ2 không biết, không tham gia việc Đ cùng đồng bọn tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, T4, Đ2 không có hành vi vi phạm pháp luật.

Đối với Lê Văn L là người đưa 3.200.000đ cho N2, sau đó N2 dùng tiền trên để mua ma túy, L không biết việc N2 dùng tiền trên để đi mua ma túy; do đó, hành vi của Lê Văn L không cấu thành tội phạm.

Đối với anh Nguyễn Văn T5 là chủ quán K1 và chị Nguyễn Thị N3 là người quản lý quán Karaoke Thành N4 không biết việc Nguyễn Văn Đ thuê phòng để tổ chức sử dụng ma túy. Do đó, hành vi của anh T5 và chị N4 không cấu thành tội phạm.

Đối với người đàn ông bán ma túy cho Nguyễn Văn Đ tại TP .T, tỉnh Trà Vinh và người đàn ông bán ma túy cho Vũ Văn N2 ngày 31/5/2023 tại ngã 5 T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; do Đ và N2 không biết chính xác tên, tuổi, địa chỉ nên không có đủ căn cứ xác minh, xử lý các đối tượng trên theo quy định của pháp luật.

Đối với vật chứng:

- Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành; 01 thẻ có chữ "MB Visa"; 01 khẩu trang màu trắng; 01 cốc nhựa màu trắng trong suốt; 01 ống hút bằng nhựa màu trắng trong suốt; 01 vỏ lon Coca; 01 bật lửa màu vàng. Đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành và là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy khi án có hiệu lực pháp luật.

- 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max thu của Nguyễn Văn Đ và 01 tờ tiền mệnh giá 2.000đ. Đây là công cụ thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 điện thoại Redmi màu xanh thu của Trương Thị H; 01 điện thoại hiệu Iphone 11 Pro Max thu của Phạm Ngọc S; 01 điện thoại hiệu Iphone 11 màu xanh thu của Lục Thị T2 không liên quan đến vụa án nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Q đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác của vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKSQX ngày 09/01/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trương Thị H và Vũ Văn N2 về tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo trong Cáo trạng và đề nghị HĐXX căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trương Thị H và Vũ Văn N2.

Đề nghị xử phạt:

- Nguyễn Văn Đ từ 07 năm 09 tháng đến 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 01/6/2023.

- Trương Thị H từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 01/6/2023.

- Vũ Văn N2 từ 07 năm đến 07 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 27/10/2023.

Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS. Khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Đề nghị tịch thu tiêu hủy khi án có hiệu lực pháp luật gồm:

- 01 phong bì đựng ma túy còn lại sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá; 01 thẻ có chữ "MB Visa"; 01 khẩu trang màu trắng; 01 cốc nhựa màu trắng trong suốt; 01 ống hút bằng nhựa màu trắng trong suốt; 01 vỏ lon Coca; 01 bật lửa màu vàng.

Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước gồm: 01 điện thoại di dộng Iphone 13 Pro Max của Nguyễn Văn Đ và 01 tờ tiền mệnh giá 2.000đồng.

Các bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền; Trình tự, thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận: Hồi 21 giờ 35" ngày 31/5/2023 tại phòng số 4 quán K1 ở thôn N, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Văn Đ, Trương Thị H đã có hành vi tổ chức cho Phạm Ngọc S, Lục Thị T2 sử dụng trái phép chất ma túy, loại Ketamine và MDMA.

Vũ Văn N2 đã có hành vi cung cấp chất ma túy để cho Đ và H tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý tại quán K1 vào ngày 31/5/2023.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tài liệu và chứng cứ đã nêu trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trương Thị H và Vũ Văn N2 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS.

Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến sức khỏe con người và lan tràn tệ nạn nghiện hút ma túy; đồng thời là nguyên nhân phát sinh ra nhiều tội phạm khác.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, tuy có nhiều bị cáo tham gia thực hiện phạm tội, nhưng chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác cùng tham gia giúp sức với bị cáo trong buổi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; đồng thời bị cáo là người trực tiếp đưa ma túy cho H để H pha cho các đối tượng đưa chất ma túy vào cơ thể người. Ngoài ra bị cáo còn nhờ Vũ Văn N2 mua hộ ma tuý về cho các đối tượng sử dụng. Mặt khác bị cáo còn chủ động đưa các chất MDMA và Ketamine vào cơ thể của mình nên bị cáo có vai trò thứ nhất trong vụ án là phù hợp.

- Đối với bị cáo Trương Thị H đã có hành vi pha thuốc lắc, xào Ketamine và đưa ma túy cho mọi người sử dụng nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

- Đối với bị cáo Vũ Văn N2 khi được Đ nhờ mua hộ ma túy để Đ cùng mọi người tổ chức sử dụng đã đồng ý ngay. Sau khi mua được ma tuý bị cáo là người trực tiếp mang đến quán Karaoke cho Đ để Đ cùng các đối tượng sử dụng nên giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

{5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Các tình tiết tăng nặng*:

+ Đối với các bị cáo Đ, H và N2 đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

-*Các tình tiết giảm nhẹ*:

+Các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên đều được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Ngoài ra H có bố là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, có thời gian tham gia nghĩa vụ Quốc tế sau ngày 30/4/1975 và được chứng nhận kỷ niệm chương Q2 tình nguyện Việt Nam giúp Lào; Bị cáo N2 có ông nội là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng ba nên H và N2 được áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, cần thiết bắt các bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục các bị cáo sớm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[6] *Xử lý vật chứng*:

- 01 phong bì đựng ma túy còn lại sau giám định được niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá là vật cấm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu tiêu huỷ khi án có hiệu lực pháp luật, theo điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS. Điểm a khoản 2 BLTTHS.

-01 thẻ có chữ "MB Visa"; 01 khẩu trang màu trắng; 01 cốc nhựa màu trắng trong suốt; 01 ống hút bằng nhựa màu trắng trong suốt; 01 vỏ lon Coca; 01 bật lửa màu vàng. Đây là công cụ các bị cáo sử dụng phạm tội và vật không có giá trị sử dụng được cần tịch thu tiêu hủy khi án có hiệu lực pháp luật, theo điểm a Khoản 1 Điều 47 BLHS. Điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- 01 điện thoại di động Iphone 13 Pro Max; 01 tờ tiền mệnh giá 2.000đ. Đây là vật chứng vụ án các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, theo điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS. Điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

[7]*Án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 255; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 ; Điều 38 BLHS đối với Nguyễn Văn Đ.

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 255; Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 ; Điều 38 BLHS đối với Trương Thị H, Vũ Văn N2.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trương Thị H và Vũ Văn N2 phạm tội " Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Nguyễn Văn Đ 07 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 01/6/2023.

Xử phạt: Trương Thị H 07 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 01/6/2023.

Xử phạt: Vũ Văn N2 07 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 27/10/2023.

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS. Điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu tiêu huỷ khi án có hiệu lực pháp luật gồm: 01 phong bì đựng 0,229gam Ketaminr còn lại sau giám định được niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá; 01 thẻ có chữ "MB Visa"; 01 khẩu trang màu trắng; 01 cốc nhựa màu trắng trong suốt; 01 ống hút bằng nhựa màu trắng trong suốt; 01 vỏ lon Coca; 01 bật lửa màu vàng. Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước khi án có hiệu lực pháp luật gồm: 01 điện thoại di dộng Iphone 13 Pro Max màu đen đã cũ; 01 tờ tiền mệnh giá 2.000đ. Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khoá 14.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Trương Thị H và Vũ Văn N2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSNDH.Quảng Xương;
- CAH.Quảng Xương;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADSH.Quảng Xương;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Mai Thị Lý